

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: **Mua sắm vật tư y tế phẫu thuật bổ sung (lần 2) của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Tổ thầu - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Tổ thầu - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.

3.2. Nhận qua email: tothau.bvcc@gmail.com. (Quý công ty gửi file mềm và file scan bảng báo giá qua email đồng thời gửi thư bảng báo giá về địa chỉ: Tổ thầu - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 đến ngày 8 tháng 9 năm 2025.

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:

- Sáng: Từ 07h30 đến 11h30;
- Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần (Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần).

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ thời hạn tiếp nhận báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị). (Đính kèm Phụ lục danh mục hàng hóa).

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa Củ Chi.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 giờ đến 48 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được đơn đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: không có.
- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

Thời hạn thanh toán: 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy đủ hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên Bản nghiệm thu, Mẫu số 08a, Bảng đối chiếu công nợ) của nhà thầu;

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu vui lòng báo giá mẫu (Đính kèm Mẫu báo giá);
- Mô tả đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi khi HĐKHCN của Bệnh viện có nhu cầu;
- Địa điểm cung cấp hàng hóa sau khi trúng thầu và ký kết hợp đồng: Tại Kho VTYT – Bệnh viện Đa khoa Củ Chi – Địa chỉ: số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, TP. HCM;

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (THTT.02b);



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tô Bảo Hoàng



PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế phẫu thuật bổ sung (lần 2) của Bệnh viện Đa khoa Củ Chi
(Đính kèm Thông báo số:86...../TB-BVCC, ngày 29/...8...../2025)

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
Phần 1 (01 khoản) Bộ bơm xi măng sinh học có bóng nong				
1	Bộ bơm xi măng sinh học có bóng nong	Bao gồm: 02 Kim chọc dò cuống sống 02 Kim chọc khoan thân sống 01 Bóng nong thân đốt sống 01 Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo. 01 Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn. 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha 02 Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống *Kim chọc dò cuống sống: Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế, gồm: kim mũi kim cương và trocar, kích cỡ khoảng 10-12 Gauge * Kim chọc và khoan thân sống cỡ 8-9 gauge gồm: - 01 nòng bên trong ống Trocar - 02 ống Trocar dạng rỗng nòng có đường kính ngoài 4-5 mm, có vạch chia trên thân khoảng 120mm - 02 mũi kim tù - 02 mũi kim nhọn - 01 mũi khoan thân sống có vạch chia độ thể hiện độ sâu vào thân sống trên thân mũi khoan (tối đa 40mm) - Vật liệu: thép không gỉ, nhựa y tế và polycarbonate *Bóng nong thân đốt sống: - Có 01 size khoảng 14-16mm - Có 2 điểm cân quang kiểm soát độ sâu - Áp lực bơm tối đa: 400 psi (27ATM) - Thể tích bơm tối đa: 4ml - 6ml tùy kích cỡ - Đường kính bóng nong: thể tích 2ml - 4ml - Chiều dài bóng nong: 14-20mm - Vật liệu chủ yếu bằng thép 304, hợp kim y tế và nhựa * Dạng xilanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi - Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm - Tương thích với tất cả các hệ thống - Vật liệu: Nhựa y tế *Bộ bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc kèm bộ trộn gồm: - 01 tay trộn - 01 thân bộ trộn dung tích 70-80cc trong đó có cơ chế khóa - 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc - 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn - 01 dây hút chân không - 01 bộ kết nối với khóa trên thân bộ trộn - 01 xy lanh để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml - 01 kim tiêm. *Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm: - Bột xi măng: trọng lượng khoảng 18-22g xi măng tiết trùng dạng bột - Dung dịch pha: chất lỏng trong lọ vô trùng dung tích khoảng 10ml - Là loại xi măng có độ nhớt cao - Có cân quang - Thời gian làm việc khoảng 8 phút ở 22°C - Bảo quản dưới 25°C *Kim chọc đưa xi măng dung tích 1.5cc gồm: - 01 ống rỗng nòng - 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch đo độ sâu - Vật liệu: Thép 304 và nhựa Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Bộ	
Phần 2 (07 khoản) Bơm xi măng sinh học qua cuống có bóng				
1	Kim chọc dò cuống sống	Kim chọc dò cuống sống: Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế, gồm: kim mũi kim cương và trocar, kích cỡ khoảng 10-12 Gauge. Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	100,0
2	Kim chọc khoan thân sống	Kim chọc và khoan thân sống cỡ 8-9 gauge gồm: - 01 nòng bên trong ống Trocar - 02 ống Trocar dạng rỗng nòng có đường kính ngoài 4-5 mm, có vạch chia trên thân khoảng 120mm - 02 mũi kim tù - 02 mũi kim nhọn - 01 mũi khoan thân sống có vạch chia độ thể hiện độ sâu vào thân sống trên thân mũi khoan (tối đa 40mm) Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Bộ	100,0
Phần 2				

SIT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
3	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn	Bộ bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc kèm bộ trộn gồm: - 01 tay trộn - 01 thân bộ trộn dung tích 70-80cc trong đó có cơ chế khóa - 01 pittong áp lực để đẩy xi măng vào kim chọc - 01 phễu đổ xi măng vào bộ trộn - 01 dây hút chân không - 01 bộ kết nối với khóa trên thân bộ trộn - 01 xy lanh để hút dung dịch pha vào xi măng thể tích 10ml - 01 kim tiêm. Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Bộ	50,0
4	Bóng nong thân đốt sống	Bóng nong thân đốt sống: - Có 01 size khoảng 14-16mm - Có 2 điểm cân quang kiểm soát độ sâu - Áp lực bơm tối đa: 400 psi (27ATM) - Thể tích bơm tối đa: 4ml - 6ml tùy kích cỡ - Đường kính bóng nong: thể tích 2ml - 4ml - Chiều dài bóng nong: 14-20mm - Vật liệu chủ yếu bằng thép 304, hợp kim y tế và nhựa Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Bộ	50,0
5	Bộ bơm áp lực có đồng hồ đo	- Dạng xilanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi - Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm - Tương thích với tất cả các hệ thống - Vật liệu: Nhựa y tế Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	50,0
6	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm: - Bột xi măng: trọng lượng khoảng 18-22g xi măng tiệt trùng dạng bột - Dung dịch pha: chất lỏng trong lọ vô trùng dung tích khoảng 10ml - Là loại xi măng có độ nhớt cao - Có cân quang - Thời gian làm việc khoảng 8 phút ở 22°C - Bảo quản dưới 25°C Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Gói	50,0
7	Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống	Kim chọc đưa xi măng dung tích 1.5cc gồm: - 01 ống rỗng nòng - 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch đo độ sâu - Vật liệu: Thép 304 và nhựa Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	200,0
Phần 3 (02 khoản) Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm cổ trước				
1	Miếng ghép đĩa đệm PEEK nghiêng	Nẹp cổ trước liên đĩa đệm - Hình dáng: Hình thang, có răng 2 phía chống tuột, 2 lỗ dành cho bắt vít có ren xương cứng và ren xương xốp với vòng xoay khóa vít. - Vật liệu: PEEK - Kích thước: khoảng 15x12mm - Chiều cao: 5-10mm - Độ dày: cạnh sau 2-3mm, cạnh bên 2-3mm, cạnh trước 3-4mm - Độ nghiêng khi bắt vít: hướng đầu-duôi 30-50 độ, Hướng ra ngoài 6-10 độ - Độ nghiêng Lordosis: 5-8 độ - Số điểm đánh dấu cân quang: tối thiểu 2 điểm bằng chất liệu hợp kim Titan - Khoảng ghép xương: 0.3cc - 1cc. Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	5,0
2	Vít tự ta-rô/ Vít cột sống cổ trước tự khoan hai bước ren	Vít tự khoan/ Vít tự ta-rô - Vật liệu: hợp kim Titanium - Được thiết kế với hai phần: ren xương cứng và ren xương xốp - Đường kính 3.5-4.0mm - Chiều dài: 10-15mm Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	10,0
Phần 4 (04 khoản) Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm đa tầng qua cuống				
1	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo	Vật liệu: PEEK - Đầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm - Chiều dài: 25-30mm - Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm - Chiều rộng trước /sau : 10-12mm - Độ ưỡn: 6-8 độ - Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 1.5 cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gần thẳng 0 độ hoặc gần nghiêng 15-20 độ Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	5,0

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
2	Vít đa trục hai bước ren	Vật liệu: Hợp kim Titanium và Cobalt Chrome - Đường kính vít từ: từ 4.0mm đến 6.0mm (bước tăng 0.5mm) và 6.5mm đến 9.5mm (bước tăng 1mm). - Chiều dài vít từ 20 - 100mm tùy đường kính vít - Chiều cao mũ vít 17-20mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9-10mm - Vít có 2 bước ren tăng bám xương : phần ren xương xóp phía đầu vít và phần ren xương cứng phía mũ vít - Phân biệt được bằng màu sắc. - Vít có thể kết hợp với cả hai hệ thống thanh dọc đường kính 5.5mm và 6.0mm - Đồng bộ ốc khoá trong tự gây Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	10,0
3	Ốc khoá trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren	Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gây khi vặn đủ lực - Ốc có đặc tính với đầu tù giảm khả năng bắt lệch trục từ điểm đầu tới mũ vít - Đường kính: 8-9mm - Khoảng cách giữa hai bước ren: 1.0mm - Tổng chiều cao: 13-14mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc 5.5mm/ 6.0mm Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	10,0
4	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome, đường kính 5.5mm/ Nẹp dọc thẳng Cobalt chrome	Vật liệu: Cobalt chrome - Đường kính 5.5-6mm, chiều dài 400-500mm, loại thẳng - Có đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay thối - Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khoá trong tự gây Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	5,0
Phần 5 (04 khoản) Phẫu thuật bắt vít qua da có sử dụng hệ thống ống nong				
1	Vít đa trục rỗng nòng qua da	- Thân vít vật liệu hợp kim Titanium - Vít rỗng nòng - Có nhiều loại đường kính khác nhau: từ 4.5mm - 8.5mm, bước tăng 1mm - Chiều dài vít từ 35mm - 80mm tùy vào đường kính vít - Vít có hai bước ren để tăng cố định vào xương, phù hợp cho vùng xương xóp và vùng xương cứng - Phần bẻ của mũ vít cho phép nắn chỉnh trượt lên tới 14mm - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 4.5-5mm và ốc khoá trong qua da tự gây Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	100,0
2	Ốc khoá trong	Vật liệu: hợp kim Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.8-1mm - Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong 4.5-5mm - Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: 10-12mm - Tự gây khi vặn đủ lực - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn đường kính 4.5-5mm Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	100,0
3	Nẹp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	Vật liệu: Cobalt Chrome - Đường kính: 4.75 mm - Uốn sẵn - Chiều dài từ 30mm - 90mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và ốc khoá trong qua da tự gây Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	50,0
4	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo	Vật liệu: PEEK - Đầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm - Chiều dài: 25-30mm - Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm - Chiều rộng trước /sau : 10-12mm - Độ uốn: 6-8 độ - Khoảng ghép xương từ: 0,3 - 1,5 cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gần thẳng 0 độ hoặc gần nghiêng 15-20 độ Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	20,0
Phần 6 (03 khoản) Phẫu thuật bắt vít qua da				
1	Vít đa trục rỗng nòng qua da	- Thân vít vật liệu hợp kim Titanium - Vít rỗng nòng - Có nhiều loại đường kính khác nhau: từ 4.5mm - 8.5mm, bước tăng 1mm - Chiều dài vít từ 35mm - 80mm tùy vào đường kính vít - Vít có hai bước ren để tăng cố định vào xương, phù hợp cho vùng xương xóp và vùng xương cứng - Phần bẻ của mũ vít cho phép nắn chỉnh trượt lên tới 14mm - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 4.5-5mm và ốc khoá trong qua da tự gây Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	40,0

STT	TÊN HÀNG HÓA	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG
Phần 7 (01 khoản)				
2	Ốc khóa trong	Vật liệu: hợp kim Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.8-1mm - Chiều cao sau khi bẻ mũ vít khóa trong 4.5-5mm - Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũ vít khóa trong: 10-12mm - Tự gây khi vận đủ lực - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn đường kính 4.5-5mm Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	40,0
3	Nẹp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	Vật liệu: Cobalt Chrome - Đường kính: 4.75 mm - Uốn sẵn - Chiều dài từ 30mm - 90mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nòng qua da và ốc khóa trong qua da tự gây Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	20,0
Phần 7 (01 khoản) Phẫu thuật lao cột sống				
1	Thân đốt sống nhân tạo	Vật liệu: Titanium - Đường kính: 13-19mm - Dài 30-90mm - Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. - Dùng để đặt và thay thân sống. Tiêu chuẩn tối thiểu: ISO hoặc CE hoặc FDA hoặc tài liệu có giá trị tương đương.	Cái	2,0

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã vật tư y tế theo Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021/Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/04/2017* (nếu có)	Mã ký hiệu/Chứng loại	Thành phần, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/Nước Chín số	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Phân loại	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ghi chú
1																						
2																						
TỔNG CỘNG																						

Ghi chú:

* Theo hướng dẫn tại Công văn số 12609/SYT-KHTC ngày 27/11/2024 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 3514/QĐ-BYT ngày 21/11/2024.

1. Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có).

2. Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

3. Bảo giá có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày báo giá.

4. Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

.....Ngày ... tháng ... năm 2025
BÀI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

